

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh và phân bổ kinh phí

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2027 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Kết luận số 176-KL/HU ngày 14/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cát Hải về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải về việc Quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải;

Căn cứ Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường Tiểu học Việt Hải, Trường Tiểu học Chu Văn An vào Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi thành Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường Tiểu học Đoàn Đức Thái với Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Hải thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đoàn Đức Thái, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc sáp nhập Trường Mầm non 3-2 thị trấn Cát Bà vào Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Sơn Ca, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm: **61.100.134.649 đồng** (Sáu mươi một tỷ, một trăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng) và phân

bổ: **60.001.634.649 đồng** (*Sáu mươi tỷ, không trăm linh một triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*) cho các đơn vị thực hiện sáp nhập, giải thể theo Kết luận số 176-KL/HU ngày 14/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện nhiệm vụ chi

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Tài chính-Kế hoạch điều chỉnh và phân bổ kinh phí; đơn vị được điều chỉnh và phân bổ kinh phí thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cát Hải, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Viết Điện

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Mã nguồn	Mã NKT	Điều chỉnh giảm			Phân bổ kinh phí		
				Cộng	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên	Cộng	Chi thường xuyên	Chi không thường xuyên
	TỔNG CỘNG			61.100.134.649	29.933.438.149	31.166.696.500	60.001.634.649	29.933.438.149	30.068.196.500
1	Công huyện huyện			1.021.500.000		1.021.500.000			
2	Phòng Nội vụ, Lao động-Thương binh và xã hội			18.133.387.867	1.977.647.367	16.155.740.500	-	-	-
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			6.058.404.566	1.306.663.566	4.751.741.000			
4	Phòng Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Du lịch			2.133.637.450	1.083.193.450	1.050.444.000			
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường			7.181.239.075	1.138.856.075	6.042.383.000			
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT			1.999.200.819	1.138.312.819	860.888.000			
7	Trường Mầm non 3-2			6.665.920.384	6.333.920.384	332.000.000	-	-	-
8	Trường Tiểu học Chu Văn An			5.384.652.725	5.107.652.725	277.000.000	-	-	-
9	Trường tiểu học Việt Hải			1.602.326.472	1.529.326.472	73.000.000	-	-	-
10	Trường Tiểu học Đoàn Đức Thái			5.457.910.039	5.172.910.039	285.000.000	-	-	-
11	Trường THCS thị trấn Cát Hải			5.461.955.252	5.144.955.252	317.000.000	-	-	-
12	Phòng Nội vụ			-	-	-	3.532.483.367	1.929.807.367	1.602.676.000
13	Văn phòng HĐND và UBND huyện			-	-	-	14.575.904.500	22.840.000	14.553.064.500
14	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị			-	-	-	6.008.404.566	1.256.663.566	4.751.741.000
15	Phòng Văn hóa-Khoa học và Thông tin			-	-	-	2.183.637.450	1.133.193.450	1.050.444.000
16	Phòng Nông nghiệp và Môi trường			-	-	-	9.196.439.894	2.302.168.894	6.894.271.000
17	Trường Mầm non Sơn Ca						6.648.920.384	6.333.920.384	315.000.000
18	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi						6.952.979.197	6.636.979.197	316.000.000
19	Trường TH và THCS Đoàn Đức Thái						10.902.865.291	10.317.865.291	585.000.000

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Công an huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1053629 - Mã chương: 799***DVT: Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			1.021.500.000	
2.1	Dự toán chi không thường xuyên, không giao tự chủ (Mã nguồn 12-100)			1.021.500.000	
	Sự nghiệp an ninh-quốc phòng				
	Công tác an ninh trật tự, chi nghiệp vụ, phòng cháy chữa cháy....	03	041	1.021.500.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Nội vụ - Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1068168- Mã chương: 635**ĐVT: **Đồng**

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			18.133.387.867	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.977.647.367	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>1.926.947.367</i>	
	Chi nghiệp vụ thường xuyên			1.926.947.367	
	+ Phòng NV, LĐ-TB và Xã hội	03	341	1.826.947.367	
	+ Hội người mù	03	362	100.000.000	
	<i>Sự nghiệp Đảm bảo xã hội</i>			<i>50.700.000</i>	
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	03	371	50.700.000	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			92.496.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	341	92.496.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12-100)			16.063.244.500	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>525.180.000</i>	
	Kinh phí khen thưởng	03	341	515.180.000	
	Gia hạn phần mềm	03	341	10.000.000	
	<i>Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo</i>			<i>500.000.000</i>	
	Kinh phí khen thưởng	03	098	500.000.000	
	<i>Sự nghiệp Đảm bảo xã hội</i>			<i>15.038.064.500</i>	
	Kinh phí tặng quà Tết Nguyên Đán cho các đối tượng, quà trẻ em hoàn cảnh khó khăn,	03	398	60.000.000	
	Kinh phí trợ cấp đối tượng hàng tháng, nghiệp vụ khác	03	398	14.503.064.500	
	Kinh phí tặng quà Tết Nguyên Đán NCC; ngày TBLS 27/7	03	371	75.000.000	
	Kinh phí mai táng phí NCC			400.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1071383-** Mã chương: **620**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			6.058.404.566	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.306.663.566	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể				
	Chi thường xuyên	03	341	1.306.663.566	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			64.469.000	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	341	64.469.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			4.687.272.000	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể			69.000.000	
	Gia hạn phần mềm	03	341-100	9.000.000	
	Mua sắm tài sản	03	341-200	60.000.000	
	Sự nghiệp kinh tế			4.618.272.000	
	Nhiệm vụ đơn đặt hàng	03	312-100	4.529.772.000	
	Quét vôi ve gốc cây, cột điện; sơn lan can cầu, tường hộ lan, gờ chắn xe đường giao thông và bến tàu đón Tết Ất Tỵ 2025	03	312-200	88.500.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1068167- Mã chương: 625**ĐVT: **Đồng**

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			2.133.637.450	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.083.193.450	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	03	341	1.083.193.450	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			64.444.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	341	64.444.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12-100)			986.000.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>490.000.000</i>	
	Kinh phí xúc tiến du lịch; thi cổ động trực quan, phong trào TĐĐKXĐSVH, đăng báo	03	341	481.000.000	
	Gia hạn phần mềm	03	341	9.000.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>496.000.000</i>	
	Kinh phí chi đội liên ngành VHDL, in ấn pano quảng bá du lịch và NTM, KP vận hành phần mềm Quản lý du lịch	03	338	496.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082468**- Mã chương: **626**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2.	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			7.181.239.075	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.138.856.075	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi thường xuyên	03	341	1.138.856.075	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			62.675.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	341	62.675.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			5.979.708.000	
	<i>Sự nghiệp môi trường</i>			<i>5.554.600.000</i>	
	Nhiệm vụ đơn đặt hàng: xử lý chất thải rắn, lỏng				
	+ <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải rắn</i>	03	261-100	<i>4.196.577.000</i>	
	+ <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải lỏng</i>	03	262-100	<i>1.178.023.000</i>	
	Kinh phí bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, kiểm tra khoáng sản	03	272-100	180.000.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>106.270.000</i>	
	Gia hạn phần mềm	03	341-100	9.000.000	
	Mua sắm tài sản	03	341-200	97.270.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>318.838.000</i>	
	Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể của các dự án	03	338-100	318.838.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)*Tên đơn vị hưởng: **Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1061715- Mã chương: 612**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			1.999.200.819	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.138.312.819	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	03	341	1.138.312.819	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			74.917.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	341	74.917.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên được giao tự chủ (Mã nguồn 12)			785.971.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>688.921.000</i>	
	Sửa chữa kè 2 bên mang cống tiêu thoát nước tổ dân phố Tiến Lộc đến cống Gia Lộc II Thị trấn Cát Hải <i>(thực hiện thanh toán khi có thông báo kinh phí)</i>	03	338-200	521.675.000	
	Kinh phí Tết trồng cây; Bảo hộ PCTT; Bảo vệ động vật hoang dã và chim di cư; <i>(Kinh phí cấp cho cơ quan chủ trì thực hiện theo kế hoạch)</i>	03	338-100	167.246.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>97.050.000</i>	
	Gia hạn phần mềm	03	341-100	9.000.000	
	Mua sắm tài sản	03	341-200	88.050.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non 3-2**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1014652** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			199.000.000	
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			6.665.920.384	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			6.333.920.384	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên	03	071	6.333.920.384	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			315.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	071	315.000.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	03	071-100	17.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường tiểu học Chu Văn An**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045615** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			0	
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			5.384.652.725	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			5.107.652.725	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên	03	072	5.107.652.725	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			260.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	072	260.000.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	03	072-100	17.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Việt Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045609** - Mã chương: **622**ĐVT: **Đồng**

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			7.000.000	
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			1.602.326.472	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			1.529.326.472	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên			1.529.326.472	
	Mầm non	03	071	491.406.545	
	Tiểu học	03	072	1.037.919.927	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			56.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	072	56.000.000	
2.2	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	03	072-100	17.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Đoàn Đức Thái**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1059791** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			0	
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			5.457.910.039	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			5.172.910.039	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên	03	072	5.172.910.039	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			268.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	072	268.000.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	03	072-100	17.000.000	

GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Trung học cơ sở thị trấn Cát Hải**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045602** - Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Giảm chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			193.000.000	
2	Giảm dự toán chi ngân sách nhà nước			5.461.955.252	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			5.144.955.252	
	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên	03	073	5.144.955.252	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			300.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	03	073	300.000.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	03	073-100	17.000.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Nội vụ**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1134367- Mã chương: **635**ĐVT: **Đồng**

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			3.532.483.367	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.929.807.367	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể			1.879.107.367	
	Chi nghiệp vụ thường xuyên			1.879.107.367	
	+ Phòng Nội vụ	01	341	1.779.107.367	
	+ Hội người mù	01	362	100.000.000	
	Sự nghiệp Đảm bảo xã hội			50.700.000	
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	01	371	50.700.000	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			92.496.000	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	341	92.496.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12 -100)			1.510.180.000	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể			525.180.000	
	Kinh phí khen thưởng	01	341	515.180.000	
	Gia hạn phần mềm	01	341	10.000.000	
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo			500.000.000	
	Kinh phí khen thưởng	01	098	500.000.000	
	Sự nghiệp Đảm bảo xã hội			485.000.000	
	Chi nghiệp vụ khác	01	398	10.000.000	
	Kinh phí tặng quà Tết Nguyên Đán NCC; ngày TBLS 27/7	01	371	75.000.000	
	Kinh phí mai táng phí NCC			400.000.000	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Văn phòng HĐND và UBND huyện

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1061712- Mã chương: 605

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			14.575.904.500	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			22.840.000	
	Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể			22.840.000	
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	01	341	22.840.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12 -100)			14.553.064.500	
	Sự nghiệp Đảm bảo xã hội			14.553.064.500	
	Kinh phí tặng quà trẻ em hoàn cảnh khó khăn	01	398	50.000.000	
	Kinh phí trợ cấp đối tượng hàng tháng, nghiệp vụ khác	01	398	14.503.064.500	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1134366- Mã chương: 620

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			6.008.404.566	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.256.663.566	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi thường xuyên	01	341	1.256.663.566	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			64.469.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	341	64.469.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			4.687.272.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>69.000.000</i>	
	Gia hạn phần mềm	01	341-100	9.000.000	
	Mua sắm tài sản	01	341-200	60.000.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>4.618.272.000</i>	
	Nhiệm vụ đơn đặt hàng	01	312-100	4.529.772.000	
	Quét vôi ve gốc cây, cột điện; sơn lan can cầu, tường hộ lan, gờ chắn xe đường giao thông và bến tàu đón Tết Ất Tỵ 2025	01	312-200	88.500.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1134365**- Mã chương: **625**ĐVT: **Đồng**

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			2.183.637.450	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			1.133.193.450	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi nghiệp vụ thường xuyên	01	341	1.133.193.450	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			64.444.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	341	64.444.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12-100)			986.000.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>490.000.000</i>	
	Kinh phí xúc tiến du lịch; thi cổ động trực quan, phong trào TĐĐKXĐSVH, đăng báo	01	341	481.000.000	
	Gia hạn phần mềm	01	341	9.000.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>496.000.000</i>	
	Kinh phí chi đội liên ngành VHDL, in ấn pano quảng bá du lịch và NTM, KP vận hành phần mềm Quản lý du lịch	01	338	496.000.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Phòng Nông nghiệp và Môi trường**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1134364-** Mã chương: **612**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã NKT	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1.1	Số thu phí, lệ phí				
1.2.	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được trích				
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			9.196.439.894	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán được giao tự chủ (Mã nguồn 13)			2.302.168.894	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Chi thường xuyên	01	341	2.302.168.894	
2.2	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán giao không tự chủ (Mã nguồn 18)			137.592.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	341	137.592.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			6.756.679.000	
	<i>Sự nghiệp môi trường</i>			<i>5.554.600.000</i>	
	Nhiệm vụ đơn đặt hàng: xử lý chất thải rắn, lỏng				
	+ <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải rắn</i>	01	261-100	4.196.577.000	
	+ <i>Nhiệm vụ xử lý chất thải lỏng</i>	01	262-100	1.178.023.000	
	Kinh phí bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, kiểm tra khoáng sản	01	272-100	180.000.000	
	<i>Sự nghiệp QLHCNN, Đảng, Đoàn thể</i>			<i>194.320.000</i>	
	Gia hạn phần mềm	01	341-100	9.000.000	
	Mua sắm tài sản	01	341-200	185.320.000	
	<i>Sự nghiệp kinh tế</i>			<i>1.007.759.000</i>	
	Kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể của các dự án	100	338-100	318.838.000	
	Sửa chữa kè 2 bên mang cống tiêu thoát nước tổ dân phố Tiến Lộc đến cống Gia Lộc II Thị trấn Cát Hải (<i>thực hiện thanh toán khi có thông báo kinh phí</i>)	200	338-200	521.675.000	
	Kinh phí Tết trồng cây; Bảo hộ PCTT; Bảo vệ động vật hoang dã và chim di cư; (<i>Kinh phí cấp cho cơ quan chủ trì thực hiện theo kế hoạch</i>)	100	338-100	167.246.000	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Mầm non Sơn Ca**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1082642**- Mã chương: **622**

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			199.000.000	
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			6.648.920.384	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			6.333.920.384	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên	01	071	6.333.920.384	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			315.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	071	315.000.000	

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)*Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi**Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1045616** - Mã chương: **622**ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			7.000.000	
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			6.952.979.197	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			6.636.979.197	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên			6.636.979.197	
	Mầm non	01	071	491.406.545	
	Tiểu học	01	072	6.145.572.652	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			316.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	072	316.000.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 04/03/2025 của UBND huyện)

Tên đơn vị hưởng: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đoàn Đức Thái**

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: **1134363** - Mã chương: **622**

ĐVT: *Đồng*

TT	Nội dung	Mã dự toán	Mã Khoản	Số tiền	Ghi chú
1	Chi từ nguồn thu học phí tại đơn vị			193.000.000	
2	Dự toán chi ngân sách nhà nước			10.902.865.291	
2.1	Dự toán chi thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 13)			10.317.865.291	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Kinh phí chi thường xuyên			10.317.865.291	
	Tiểu học	01	072	5.172.910.039	
	Trung học cơ sở	01	073	5.144.955.252	
2.2	Dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ (Mã nguồn 18)			568.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	01	072	568.000.000	
2.3	Dự toán chi không thường xuyên bằng dự toán (Mã nguồn 12)			17.000.000	
	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo				
	Gia hạn phần mềm	01	072-100	17.000.000	